

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**IRREGULAR INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To:** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*  
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam  
*Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*
  - Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VN Diamond/ KIM Growth VN Diamond ETF*
  - Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIVND*
  - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
*Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
  - Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
  - Email: [etf@koreainvestment.com.vn](mailto:etf@koreainvestment.com.vn) Website: <https://koreainvestment.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:**

Đính chính công bố thông tin kết quả giao dịch hoán đổi ngày 24.04.2024 và 25.04.2024 tại mục các chỉ tiêu khác (Cột “kỳ này” và cột “kỳ trước”)

*To amend announcement after exchange trading as at 24.04.2024 and 25.04.2024 on Other criteria (Column “This period” and “Last period”).*

<i>Nội dung đính chính thông tin</i>	<i>Số liệu đã công bố thông tin</i>	<i>Số liệu đính chính</i>
<i>3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding shares</i>	<i>51.000.000</i>	<i>5.100.000</i>

*Ngoài ra, các nội dung khác không thay đổi. / In addition, other contents remain unchanged.*

*Lý do: Sai sót ghi nhận tổng số lượng chứng chỉ quỹ/ Reason: Wrong record number of outstanding shares*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 13/05/2024 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>  
*This information was disclosed on Fund Management Company’s portal on May 13, 2024, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

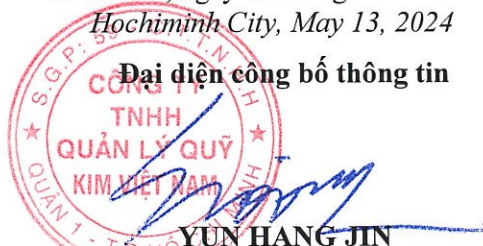
*I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

Công bố thông tin sau giao dịch hoán đổi ngày 24/04/2024 và 25/04/2024.  
*Announcement after exchange trading (revised) as at 24/04/2024 và 25/04/2024.*

TP. HCM, ngày 13 tháng 5 năm 2024

Hochiminh City, May 13, 2024

**Đại diện công bố thông tin****YUN HANG JIN**Chủ tịch Hội đồng thành viên / Chairman of  
Member’s Council

Số/ No.: 20240426/KTGD/FUEKIVND-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2024  
Ho Chi Minh City, April 26, 2024

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

To: Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VND/ KIM GROWTH VND ETF  
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIVND**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Supervisory Bank: Bank for Investment and Development ở VietNam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **25/04/2024**  
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	2,800	6.66%
2	CTG	700	2.03%
3	FPT	1,600	16.89%
4	GMD	1,300	9.29%
5	HDB	1,200	2.36%
6	KDH	600	1.82%
7	MBB	3,100	6.15%
8	MSB	1,900	2.30%
9	MWG	3,500	16.09%
10	NLG	600	2.03%
11	OCB	900	1.10%
12	PNJ	1,300	10.78%
13	REE	800	4.24%
14	TCB	1,900	7.85%
15	TPB	1,400	2.22%
16	VIB	1,400	2.63%
17	VPB	2,600	4.25%
18	VRE	500	0.99%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	3,724,860	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value



+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket value</i> : (VND)	1,133,835,000
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i> : (VND)	1,137,559,860
- Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i> : (VND)	3,724,860
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ <i>Plan to reduce the spread</i>	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ <i>Transfer cash component</i>
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại <i>Receive cash component after subtracting tax and redemption fee</i>

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash*:

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	27,050	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	FPT	120,100	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
3	GMD	81,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
4	MBB	22,550	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MSB	13,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	OCB	13,850	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	PNJ	94,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	REE	60,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	47,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VIB	21,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria*:

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period</i> (*)	Kỳ trước/ <i>Last period</i> (**)	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	25/04/2024	24/04/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	5,100,000	5,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	11,200.00	11,220.00	(20.00)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net asset value at valuation date</i>			
của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	58,015,552,907	56,022,910,398	1,992,642,509
của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF creation unit</i>	1,137,559,860	1,098,488,439	39,071,421
của 1 CCQ/ <i>per Share</i>	11,375.59	10,984.88	390.71
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	2,104.54	2,094.39	10.15

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 24/04/2024 / *Item 5 is net asset value at 24/04/2024*

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 23/04/2024 / *Item 5 is net asset value at 23/04/2024*

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised Representative of Fund Management Company*



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Số/ No.: 20240425/KTGD/FUEKIVND-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Ho Chi Minh City, April 25, 2024

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

*Kính gửi:* Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam

*To:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Invest

- Tên quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF KIM GROWTH VND/ KIM GROWTH VND ETF  
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEKIVND**  
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/  
Fund Management company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.  
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Bank for Investment and Development ở VietNam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch  
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **24/04/2024**  
- Đơn vị tính lô ETF/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/  
1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	2,800	6.79%
2	CTG	700	2.01%
3	FPT	1,600	16.36%
4	GMD	1,300	9.35%
5	HDB	1,200	2.43%
6	KDH	600	1.83%
7	MBB	3,100	6.21%
8	MSB	1,900	2.35%
9	MWG	3,500	15.87%
10	NLG	600	1.97%
11	OCB	900	1.11%
12	PNJ	1,300	10.95%
13	REE	800	4.25%
14	TCB	1,900	7.99%
15	TPB	1,400	2.20%
16	VIB	1,400	2.68%
17	VPB	2,600	4.36%
18	VRE	500	1.00%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	3,548,439	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: (VND)

1,094,940,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: (VND)

1,098,488,439

- Giá trị chênh lệch/ Spread in value: (VND)

3,548,439

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the spread

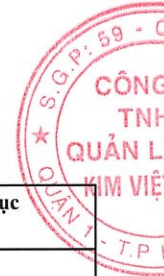
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee



Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ In case stock can be replaced by cash:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ Cash Substitution per share (VND)	Đối tượng áp dụng/ Applied to	Lý do/ Reason
1	ACB	26,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
2	FPT	112,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
3	GMD	79,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	22,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
5	MSB	13,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	OCB	13,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	92,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	58,400	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	46,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

- Các chỉ tiêu khác/ Other criteria:

Chỉ tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	24/04/2024	23/04/2024	
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation units issued			-
2. Số lô đã mua lại/ Creation units redeemed			-
3. Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/ Outstanding shares	5,100,000	5,100,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ Closing price	11,220.00	(***)	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	56,022,910,398	55,912,500,980	110,409,418
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	1,098,488,439	1,096,323,548	2,164,891
của 1 CCQ/ per Share	10,984.88	10,963.23	21.65
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	2,094.39	2,022.67	71.72

(\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 23/04/2024

(\*\*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 22/04/2024

(\*\*\*) Ngày giao dịch đầu tiên: 24/04/2024

/ Item 5 is net asset value at 23/04/2024

/ Item 5 is net asset value at 22/04/2024

/First listing date: 24/04/2024

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ

Authorised Representative of Fund Management Company



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN